

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYÊN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **130/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-10-2022

V/v: “Ly hôn,

Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phùng Thị Khánh Vân

Bà Nguyễn Thị Nga

-Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy-Thư ký TAND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư-Kiểm sát viên.

Ngày 14-10-2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2022 về “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2022 giữa:

-Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thúy A, sinh năm 1982; HKTT: Tổ 1, ấp 2, xã 3, huyện 4, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (có mặt)

-Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1986; HKTT: Tổ 1, ấp 2, xã 3, huyện 4, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy A trình bày:

Về hôn nhân: Bà A và ông Nguyễn Ngọc B tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2002, được UBND xã 3, huyện 4 cấp chứng nhận kết hôn số 05, ngày 08/4/2002; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi, cưới. Sau khi lấy nhau cả hai về chung sống tại ấp 4B, xã 3, huyện 4;

Bà A và ông B chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến về kinh tế, thường xuyên xảy ra tranh cãi không thể tự hòa giải được. Từ đầu năm 2017 đến nay vợ chồng đã ly thân, bà A đã về nhà cha mẹ đẻ ở huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai sinh sống, vợ chồng có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không có nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà A và ông B có 04 con chung tên Nguyễn Anh Tuấn K, sinh ngày 07/01/2003, Nguyễn Tuấn Anh H, sinh ngày 03/6/2004, Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 03/9/2009 và Nguyễn Ngọc Thiên Ph, sinh ngày 10/10/2010; từ năm 2017 đến năm 2019 các con do bà A trực tiếp nuôi dưỡng, từ năm 2019 đến nay ông B đã đưa các con về sống với ông B. Cháu K và cháu H đã trưởng thành; bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph và cháu V, không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con. Bà A hiện đang sống cùng cha mẹ ruột và làm nghề nuôi và buôn bán cá. Trường hợp Tòa án quyết định giao con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng thì bà A không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Ngọc B trình bày:
Ông B thống nhất về thời điểm và điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung, cũng như mâu thuẫn vợ chồng mà bà A trình bày. Ông B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A; đồng ý không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung và con đã thành niên. Tuy nhiên ông B yêu cầu giao cháu Ph và cháu V cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng; ông B hiện làm cơ khí tại nhà đủ thu nhập và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Trường hợp Tòa án quyết định giao con cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng thì ông B không cấp dưỡng cho con.

Về nguyện vọng của con chung: Cháu Nguyễn Ngọc Tường V và cháu Nguyễn Ngọc Thiên Ph có nguyện vọng được sống cùng bà A.

3. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải

quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy, hôn nhân giữa bà A và ông B là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt và cả hai bên cùng thống nhất ly hôn nên ghi nhận. Bà A và ông B có 04 con chung tên Nguyễn Anh Tuấn K, sinh năm 2003, Nguyễn Tuấn Anh H, sinh năm 2004, Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 03/9/2009 và Nguyễn Ngọc Thiên Ph, sinh ngày 10/10/2010, hiện đang sống cùng ông B. Cả bà A, ông B đều yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Ph, cháu V và cùng có công việc, thu nhập ổn định hàng tháng; bà A sống cùng cha mẹ có thể sẽ được cha mẹ hỗ trợ về việc chăm sóc con cái; ông B có nhà riêng và công việc tại nhà nên chủ động được thời gian chăm sóc, dạy dỗ con; tuy cả 02 cháu có nguyện vọng được sống cùng bà A nên có căn cứ giao cháu V và cháu Ph cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà A và ông B không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bà A yêu cầu ly hôn với ông B, yêu cầu giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông B có hộ khẩu thường trú tại huyện Xuyên Mộc; căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS), HĐXX xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là “*Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Xuyên Mộc.

[2] Về hôn nhân: Bà A và ông B được UBND xã 3, huyện 4 cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (BL 05), theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà A và ông B là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Bà A và ông B cùng xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến về kinh tế, thường xuyên xảy ra tranh cãi không thể tự hòa giải được. Từ đầu năm 2017 đến nay vợ chồng đã ly thân, bà A đã về nhà cha mẹ đẻ ở huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai sinh sống, vợ chồng có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông B

đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả bà A và ông B cùng thống nhất ly hôn nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng cho con: Bà A và ông B có 04 con chung tên Nguyễn Anh Tuấn K, sinh ngày 07/01/2003, Nguyễn Tuấn Anh H, sinh ngày 03/6/2004, Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 03/9/2009 và Nguyễn Ngọc Thiên Ph, sinh ngày 10/10/2010, hiện đang sống cùng ông B; cháu K, cháu H đã trưởng thành nên bà A và ông B không yêu cầu giải quyết; tuy nhiên cả bà A và ông B đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph và cháu V, không yêu cầu cấp dưỡng, cũng không tự nguyện cấp dưỡng; căn cứ để yêu cầu: Bà A cho rằng hiện đang sống cùng cha mẹ ruột để làm nghề nuôi và buôn bán cá nên có đủ thu nhập và thời gian chăm sóc nuôi dưỡng con; ông B cho rằng hiện đã có nhà riêng và làm nghề cơ khí tại nhà nên có đủ thu nhập và thời gian chăm sóc nuôi dưỡng con.

Như Kiểm sát viên đã phân tích: Cả bà A, ông B đều có công việc ổn định và đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung; bà A tuy sống cùng cha mẹ nên có thể sẽ được cha mẹ hỗ trợ về việc chăm sóc con cái; ông B có nhà riêng và có công việc tại nhà nên sẽ chủ động được về thời gian chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên qua xác minh thì mỗi lần bà A về thăm con chung đều bị ông B gây khó khăn, cháu Ph và cháu V có nguyện vọng sống cùng bà A, hơn nữa cháu V là nữ giới, bắt đầu bước vào tuổi dậy thì cần có sự chăm sóc và chia sẻ của người mẹ nhiều hơn, việc giao cháu V và cháu Ph cho bà A nuôi dưỡng sẽ giúp các cháu học tập, kèm cặp và chia sẻ việc học tập với nhau nhiều hơn. Vì vậy để đảm bảo lợi ích chính đáng của con chung, HĐXX giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng; ông B không phải cấp dưỡng cho con do bà A không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà A, ông B không yêu cầu nên HĐXX không xem xét quyết định.

[6] Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và lời thừa nhận của các bên phù hợp với quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96 BLTTDS là chứng cứ của vụ án.

[7] Về án phí: Đối với vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn.

[8] Về phát biểu của Kiểm sát viên: Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

[9] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Các Điều 19, 51, 56, 57, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 85, 111, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

-Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 173, 177, 179, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thúy A đối với ông Nguyễn Ngọc B.

1.1. Về hôn nhân: Ghi nhận việc bà Phạm Thị Thúy A và ông Nguyễn Ngọc B thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng cho con: Bà Phạm Thị Thúy A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 03/9/2009 và Nguyễn Ngọc Thiên Ph, sinh ngày 10/10/2010 cho đến khi lần lượt các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi phát sinh các căn cứ pháp lý làm chấm dứt quyền và nghĩa vụ nuôi con; ông B có nghĩa vụ giao cháu V và cháu Ph cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Ngọc B không phải cấp dưỡng cho con do bà A không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn bà A, ông B đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà bà A và những người thân thích không ai được cản trở;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Thúy A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010871 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Bà A đã nộp đủ.

- Ông Nguyễn Ngọc B không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày; VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/10/2022).

4. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi Cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Hòa Hưng (CNKH 05 ngày 08/4/2002);
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Đạt

